

Thứ hai, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp lực bán tăng mạnh tại vùng 850 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/8/2020		•	
Tuần 10/8-14/8/2020		•	
Tháng 8/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tiếp tục tăng mạnh ngay từ đầu phiên, và duy trì được sắc xanh trong suốt thời gian giao dịch. Mặc dù vậy, tại vùng kháng cự 850 điểm, áp lực bán gia tăng khá mạnh khiến đà tăng bị thu hẹp, và chỉ số VNIndex chỉ còn đóng cửa tăng chưa tới 2 điểm. Dòng tiền đầu tư duy trì trạng thái tích cực khi có 13/19 nhóm ngành tăng điểm, dù đã giảm nhẹ so với phiên trước đó. Trong khi đó, giao dịch khối ngoại vẫn khá tiêu cực khi họ tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường đã tăng nhẹ so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang tương đối lạc quan. Theo đánh giá của chúng tôi, với việc VN-Index có phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp mà vẫn chưa thể chinh phục thành công cột mốc 850 điểm, khả năng cao thị trường sẽ xuất hiện một vài nhịp điều chỉnh, và có thể kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 825 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HDTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 781.9-786.4 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/8/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_2.4%

Phân tích kỹ thuật: VEA_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.74** điểm, đóng cửa **843.2**. HNX-Index **+0.86** điểm, đóng cửa **113.64**.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+0.68); GVR (+0.66); TCB (+0.25); PLX (+0.21); POW (+0.18).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (-1.05); SAB (-0.74); VNM (-0.5); APH (-0.14); VJC (-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,317 tỷ đồng, **+17.28%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.32 điểm. Thị trường có **274** mã tăng, **61** mã tham chiếu và **117** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-188.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-54.3 tỷ)**, **AGG (-42 tỷ)** và **VNM (-33.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.35** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 843.20Giá trị: 4317.62 tỷ **1.74 (0.21%)**

Khối ngoại (ròng): -188.59 tỷ

HNX-INDEX 113.64Giá trị: 392.01 tỷ **0.86 (0.76%)**

Khối ngoại (ròng): -2.35 tỷ

UPCOM-INDEX 56.30Giá trị: 0.23 tỷ **0.08 (0.14%)**

Khối ngoại (ròng): -8.31 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.9	1.55%
Giá vàng	2,033	-0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,378	-0.60%
Tỷ giá JPY/VND	21,872	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	25.07%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.87%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	9.1	VHM	-54.3
FUEVFVND	7.3	AGG	-42.0
PHR	7.0	VNM	-33.8
E1VFN30	6.7	NLG	-29.2
STB	5.5	VIC	-14.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_2.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	17/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	2.4%	2.4%	10.2%	12.1%	12.1%	13.0%	35.7%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.9%	1.9%	8.6%	7.4%	7.4%	-5.0%	27.8%
Chiến tranh thương mại	1.4%	1.4%	8.7%	4.6%	4.6%	-9.5%	34.0%
Dầu khí	1.0%	1.0%	9.6%	-0.7%	-0.7%	-24.1%	43.5%
Stay-at-home	0.7%	0.7%	6.4%	2.2%	2.2%	6.9%	38.2%
Xây dựng	0.7%	0.7%	9.6%	7.0%	7.0%	-1.1%	33.9%
Lãi suất giảm	0.7%	0.7%	9.8%	5.8%	5.8%	2.5%	35.8%
Nước & Năng lượng	0.6%	0.6%	5.7%	6.4%	6.4%	-4.2%	29.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	0.6%	6.4%	2.5%	2.5%	-13.3%	33.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	0.5%	5.3%	0.2%	0.2%	-5.9%	33.7%
VN Diamond	0.5%	0.5%	4.7%	-0.1%	-0.1%	-17.8%	34.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.5%	0.5%	4.5%	0.0%	0.0%	-11.1%	35.1%
VN FinSelect	0.5%	0.5%	4.2%	-0.5%	-0.5%	-11.2%	33.2%
Corona Avengers	0.4%	0.4%	8.9%	2.7%	2.7%	-1.1%	40.6%
Ngân Hàng	0.4%	0.4%	6.4%	3.4%	3.4%	-5.6%	37.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	0.3%	6.8%	4.3%	4.3%	-7.4%	30.7%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.2%	6.7%	1.8%	1.8%	-6.6%	32.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	0.2%	5.7%	2.3%	2.3%	4.5%	23.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	0.1%	6.5%	5.1%	5.1%	-7.8%	31.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.1%	5.5%	3.4%	3.4%	-10.5%	28.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	0.1%	7.2%	2.2%	2.2%	-18.0%	36.4%
Đầu tư công	0.1%	0.1%	9.4%	6.2%	6.2%	0.2%	34.5%
FTSE Việt Nam	0.0%	0.0%	4.8%	3.0%	3.0%	-8.1%	28.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	-0.1%	8.2%	5.2%	5.2%	2.8%	31.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.2%	-0.2%	-0.4%	6.4%	6.4%	-2.6%	23.9%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	0.7%	0.7%	6.4%	0.5%	0.5%	-18.6%	37.7%
L32	0.6%	0.6%	7.8%	3.2%	3.2%	-16.7%	34.6%
S11	0.5%	0.5%	7.6%	5.5%	5.5%	4.8%	29.3%
M31	0.5%	0.5%	7.3%	3.5%	3.5%	-10.2%	34.5%
L11	0.3%	0.3%	6.7%	3.0%	3.0%	-8.6%	27.8%
M22	0.2%	0.2%	6.6%	3.3%	3.3%	-2.2%	29.2%
M12	0.2%	0.2%	6.9%	2.2%	2.2%	-8.9%	28.8%
S21	0.1%	0.1%	8.1%	4.2%	4.2%	-10.0%	31.3%
L22	-0.2%	-0.2%	7.2%	2.2%	2.2%	-13.3%	31.4%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.9%	0.9%	6.3%	1.8%	1.8%	-11.7%	32.0%
LOW1	0.7%	0.7%	7.2%	1.7%	1.7%	-8.8%	29.1%
MID1	0.4%	0.4%	6.9%	5.7%	5.7%	2.0%	28.9%
INDEX							
VNINDEX	0.2%	0.2%	5.6%	2.2%	2.2%	-12.3%	27.6%
VN30INDEX	0.3%	0.3%	5.9%	1.8%	1.8%	-10.8%	29.0%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	17	8	17	8	18	7
Mục tiêu	9	5	4	5	4	9	0
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 10/8

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.90	1.65%	2.20%	5.20%	-18.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.93	1.19%	1.80%	5.60%	-21.16%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	122.98	1.84%	1.40%	-0.10%	-22.29%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	2033.95	-0.08%	2.90%	12.80%	35.77%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	28.33	0.11%	16.60%	51.90%	66.26%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	866.00	-0.17%	-3.40%	-3.90%	-8.60%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	493.25	-0.45%	-5.30%	-6.00%	-6.00%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.31	-0.26%	-4.80%	-13.30%	12.59%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.61	2.31%	8.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.72	0.39%	0.00%	7.40%	-5.36%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	119.00	0.93%	-1.20%	17.40%	4.62%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6308.00	-2.63%	-1.60%	1.20%	9.61%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	548.25	-0.62%	0.40%	3.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1771.00	-0.37%	3.40%	6.40%	0.00%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	127.77	-1.02%	3.50%	13.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.60	1.77%	-3.20%	-6.50%	-28.16%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu Brent tăng 34 US cent, hay 0.8%, lên 44.74 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 47 US cent, hay 1.1%, lên 41.69USD/thùng, chủ yếu bởi Tổng Giám đốc Aramco cho biết dự kiến cầu dầu tại Châu Á phục hồi khi các quốc gia dần mở cửa trở lại sau giai đoạn giãn cách phòng chống dịch bệnh. Cùng với đó, Iraq sẽ cắt thêm 400,000 thùng/ngày trong tháng 8 và 9, để bù đắp cho việc vượt cung trong 3 tháng qua.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.3% xuống 2,029.19 USD/oz. Vàng tương lai tăng 0.6% lên 2,039.60 USD/oz, chủ yếu bởi USD duy trì giá tăng sau khi dữ liệu lao động tốt hơn dự kiến. Đồng thời, căng thẳng Trung Quốc – Hoa Kỳ tăng cũng trợ giúp giá USD.

	10/8	% 10/8	7/8	% 7/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	843.20	0.21%	841.46	0.17%	3.50%	-3.79%
S&P 500			3,351.28	0.06%	2.45%	5.72%
S&P500 Futures	3,345.25	0.01%	3,344.75	0.01%	1.73%	6.50%
Shang- hai	3,379.25	0.75%	3,354.04	-0.96%	0.34%	-2.07%
Euro Stoxx	3,247.10	-0.17%	3,252.65	0.38%	-0.04%	-0.43%

Phân tích kỹ thuật

VEA_Tin hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VEA đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn sau khi có sự điều chỉnh vào cuối tháng 07. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang giảm nhẹ. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo EMA vừa xuất hiện Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn còn cách khá xa vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VEA nằm tại khu vực 43. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 46.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 41.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Dự báo: Đại dịch Covid ảnh hưởng đến KQKD của các liên doanh liên kết (là nguồn thu nhập chính của VEA, chiếm 85% LNTT), hầu hết các đại lý xe ô tô đóng cửa từ và bắt đầu hoạt động từ 16/4/2020, nhu cầu mua xe ô tô sẽ tăng lại khi đại dịch được khống chế tuy nhiên trung bình cả năm sẽ giảm khoảng 20-20% yoy. Chúng tôi dự báo dựa trên giả định (1) doanh số bán xe máy Honda giảm khoảng -3% yoy, doanh số bán xe ô tô giảm -30%, biên lợi nhuận ròng bán xe ô tô giảm từ 17% xuống 15%, (2) thu nhập tài chính đạt khoảng 953 tỷ đồng (+5% yoy) với lãi suất tiền gửi khoảng 6.5% (thấp hơn mức trung bình 7.3% năm 2019), theo đó lợi nhuận sau thuế của VEA đạt 5,794 tỷ đồng (-21% yoy).

Cập nhật KQKD

KQKD Q1.2020. DT và LNST lần lượt đạt 998 tỷ đồng (-11.3% yoy) và 1325 tỷ đồng (+4% yoy), Lợi nhuận gộp bán hàng tăng +97% yoy do quý 1.2019 điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán số thuế bị truy thu. DT tài chính tăng +30% yoy tăng do lãi tiền gửi ngân hàng +30% yoy, lợi nhuận từ liên doanh liên kết giảm nhẹ đạt 1,165 tỷ đồng (-3.6% yoy) Kết quả kinh doanh của các liên doanh liên kết 3 tháng 2020 (1) Honda: doanh số xe máy khoảng 2.57 triệu xe (+0.5% yoy), doanh số xe ô tô giảm mạnh -39% yoy (2) Toyota: Trong 3 tháng, tổng doanh số đạt 13.7 nghìn xe (giảm -21% yoy), hầu hết các dòng xe phổ biến đều giảm mạnh Toyota Vios (-28% yoy); Toyota Innova (-68% yoy). Ở mảng xe nhập khẩu nguyên chiếc (CBU), trong tháng 3 vừa qua liên doanh này tiêu thụ tổng cộng 1.600 xe; trong đó Toyota Camry (+14% yoy). Toyota Việt Nam cho biết dù tổng doanh số bán ra trong 3 tháng giảm 21% yoy do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhưng liên doanh này vẫn dẫn doanh số bán hàng.

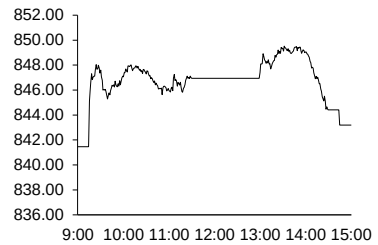
Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express VEA 2020Q2**

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

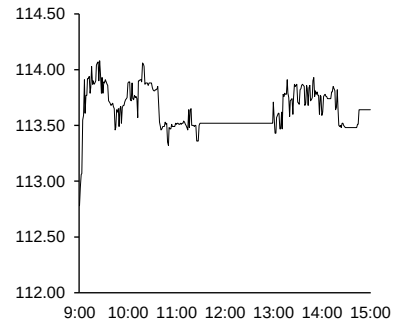
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Thực phẩm và đồ uống	-0.60%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.44%
Y tế	-0.32%
Ngân hàng	-0.09%
Du lịch và Giải trí	-0.07%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	0.23%
Ô tô và phụ tùng	0.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.40%
Công nghệ Thông tin	0.43%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.58%
Bất động sản	0.59%
Dịch vụ tài chính	0.63%
Tài nguyên Cơ bản	0.64%
Bán lẻ	0.68%
Bảo hiểm	0.74%
Dầu khí	1.37%
Truyền thông	2.04%
Hóa chất	3.25%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/7/2020	C32	24.15	26	22.9	24.2	3	0.21%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	8.5	4	2.66%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	23.65	6	2.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	77.2	7	10.13%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	31.7	11	2.59%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	13.7	12	16.10%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.4	40	-3.13%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/26/2020	DGC	33.98	36.03	28.32	32.8	45	-3.47%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31.6	47	2.97%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.3	53	10.81%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.6	55	6.28%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	36.9	66	-0.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

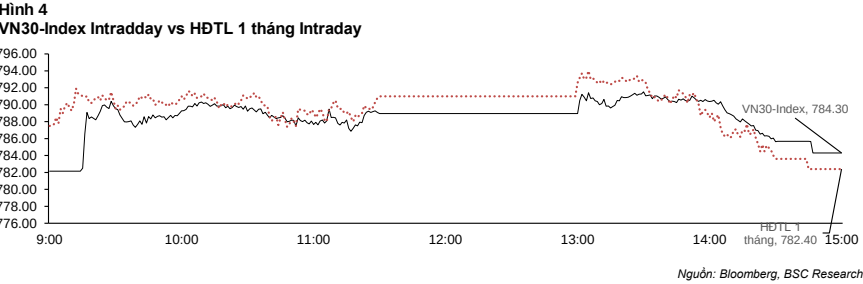
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%

Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	3	6.04%	-2.47%	3.91%	29
Cổ phiếu đã chốt	12	22	11.93%	-8.34%	-1.18%	13

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	782.40	0.23%	-1.90	-32.3%	178,671	8/20/2020	12
VN30F2009	781.50	0.51%	-2.80	-32.8%	799	9/17/2020	40
VN30F2012	773.10	0.53%	-11.20	-53.8%	66	12/17/2020	131
VN30F2103	773.30	0.81%	-11.00	-89.6%	91	3/18/2021	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.15 điểm lên mức 784.30 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, VNM, TCB và VCB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng mạnh từ đầu phiên sáng nhưng chịu áp lực chốt lãi cao ở cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ tiếp tục biến động trong khoảng hẹp trong những phiên tới.
- Tất cả các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng đều tăng. Điều này cho thấy kỳ vọng tăng trưởng của chỉ số trong thời gian tới đang yếu đi. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2006	10/8/2020	59	2:1	157,410	41.43%	2,180	1,780	11.95%	1,435	1.24	29,060	24,700	26,500
CHDB2003	12/16/2020	128	2:1	328,950	41.43%	2,700	880	11.39%	491	1.79	37,523	32,123	26,500
CHPG2008	11/30/2020	112	1:1	93,430	38.71%	4,100	4,300	6.44%	944	4.55	32,100	28,000	24,300
CHPG2011	10/20/2020	71	2:1	96,510	38.71%	2,350	3,030	5.57%	681	4.45	29,900	25,200	24,300
CSTB2004	11/30/2020	112	1:1	407,120	43.39%	1,400	980	4.26%	910	1.08	12,400	11,000	10,600
CSTB2002	12/16/2020	128	3:1	266,310	43.39%	1,700	1,010	3.06%	675	1.50	13,588	11,888	10,600
CMWG2009	10/23/2020	74	8:1	380,660	41.23%	1,600	780	2.63%	610	1.28	94,800	82,000	79,000
CVPB2007	10/29/2020	80	2:1	339,090	47.00%	1,700	800	2.56%	743	1.08	25,900	22,500	21,350
CHPG2002	12/16/2020	128	2:1	138,320	38.71%	1,700	2,000	1.52%	338	5.91	33,399	29,999	24,300
CREE2004	10/23/2020	74	3:1	211,660	28.83%	1,570	2,110	0.48%	1,841	1.15	34,210	29,500	34,550
CFPT2007	10/23/2020	74	5:1	170,380	33.29%	1,690	1,260	-0.79%	1,048	1.20	51,950	43,500	47,200
CVRE2007	4/5/2021	238	5:1	644,850	45.46%	1,520	710	-1.39%	406	1.75	40,933	33,333	26,650
CFPT2003	11/9/2020	91	1:1	63,240	33.29%	7,300	8,300	-1.54%	2,214	3.75	57,300	50,000	47,200
CVHM2002	11/30/2020	112	1:1	85,750	38.79%	11,500	9,790	-3.45%	8,672	1.13	88,500	77,000	79,600
CVHM2003	10/29/2020	80	10:1	236,120	38.79%	1,000	1,330	-3.62%	1,204	1.10	80,000	70,000	79,600
CCTD2001	12/16/2020	128	10:1	199,960	57.89%	1,540	1,580	-4.24%	953	1.66	96,288	80,888	77,200
CVRE2003	12/16/2020	128	2:1	571,260	45.46%	3,000	460	-6.12%	211	2.18	43,999	37,999	26,650
CVNM2003	9/4/2020	25	10:1	202,240	33.69%	1,450	2,250	-6.64%	2,084	1.08	107,280	92,780	114,500
CHPG2009	10/29/2020	80	2:1	56,840	38.71%	1,600	3,910	-12.47%	1,444	2.71	25,700	22,500	24,300
CVNM2004	11/30/2020	112	1:1	19,000	33.69%	17,500	11,300	-13.48%	7,712	1.47	133,973	116,473	114,500
Tổng				4,669,100	40.43%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/8/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.
- Về giá, CROS2002 và CTCB2005 tăng mạnh nhất lần lượt là 23.8% và 17.9%, ở chiều hướng ngược lại, CPNJ2004 và CPNJ2006 giảm mạnh nhất lần lượt là 33.3% và 28.3%. Thanh khoản thị trường giảm -9.61%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.89% thị trường.
- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CVPB2005, CVPB2006 và CVRE2005. CHPG2005 và CVHM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	79.0	0.5%	1.2	1,555	2.2	8,348	9.5	2.5	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	55.3	0.2%	1.3	541	0.8	4,629	11.9	2.6	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	45.4	1.1%	1.4	1,465	0.7	1,640	27.7	1.7	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.3%	0.4	301	0.0	2,654	11.7	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	88.2	0.8%	0.8	12,971	2.1	2,255	39.1	3.7	13.9%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.7	0.9%	1.1	2,633	1.9	1,057	25.2	2.2	30.9%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.6	0.0%	1.3	11,385	5.8	6,784	11.7	3.8	20.2%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.6	2.3%	1.3	217	1.0	1,672	5.8	0.7	38.3%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.4	1.1%	1.3	376	2.1	1,718	8.4	0.9	49.1%	10.7%
VCI	Chứng khoán	21.4	0.0%	1.0	153	0.4	4,110	5.2	0.9	29.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.4	1.2%	1.7	230	2.1	1,608	10.8	1.2	51.1%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.2	0.2%	0.8	1,609	2.4	4,280	11.0	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	47.5	2.6%	0.4	565	0.0	4,812	9.9	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	70.5	0.4%	1.4	5,867	1.4	5,138	13.7	2.6	3.2%	20.4%
PLX	Dầu khí	45.2	1.3%	1.5	2,370	0.6	441	102.5	2.8	14.6%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.1	0.8%	1.5	251	1.4	1,301	9.3	0.5	11.5%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.3	1.6%	0.8	849	0.3	898	7.0	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	96.7	-0.1%	0.5	550	0.1	5,044	19.2	4.0	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	13.7	0.7%	0.4	232	1.4	1,586	8.6	0.7	10.6%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.4	2.1%	0.5	192	0.8	709	11.8	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	81.9	-1.2%	1.1	13,207	2.1	4,915	16.7	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	38.1	0.0%	1.3	6,663	0.9	2,153	17.7	2.0	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	22.8	0.2%	1.2	3,691	4.1	2,995	7.6	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.4	0.5%	1.2	2,263	3.2	4,126	5.2	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	16.5	0.9%	1.0	1,725	2.6	3,497	4.7	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	23.8	0.4%	1.0	1,721	2.7	3,750	6.3	1.3	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	51.9	0.0%	0.9	185	0.3	5,760	9.0	1.7	82.2%	18.9%
NTP	Nhựa	29.1	1.7%	0.4	149	0.0	3,348	8.7	1.3	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	0.3	632	0.0	356	41.3	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.3	0.4%	1.2	3,501	15.1	2,632	9.2	1.5	35.8%	18.1%
HSG	Thép	11.4	1.8%	1.6	220	6.3	1,767	6.5	0.8	10.2%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	114.5	-0.9%	0.8	8,669	7.1	5,538	20.7	6.6	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	179.9	-2.2%	0.8	5,016	1.2	6,328	28.4	6.3	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.5	0.7%	1.0	2,770	2.3	3,255	16.7	2.8	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.2	0.0%	0.8	361	2.3	561	25.2	1.1	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	53.8	0.0%	0.8	5,092	0.2	3,450	15.6	3.2	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	100.0	-0.3%	1.1	2,278	1.5	3,465	28.9	3.5	17.9%	12.4%
HVN	Vận tải	23.7	0.0%	1.7	1,458	0.6	(3,853)	N/A	2.9	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	20.1	-1.0%	0.9	259	0.5	1,377	14.6	1.0	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	10.2	0.5%	1.1	125	0.4	2,007	5.1	0.6	22.4%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.8	0.0%	1.1	410	0.3	8,219	7.4	2.9	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.3	-1.2%	0.8	414	0.6	1,362	15.6	1.4	10.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	-0.7%	1.0	222	0.2	1,937	6.9	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	77.2	-1.8%	1.1	256	2.4	8,467	9.1	0.7	46.6%	7.9%
CII	Xây dựng	17.6	1.4%	0.3	183	1.3	1,615	10.9	0.8	36.4%	8.0%
REE	Điện	34.6	-0.1%	-1.4	466	0.5	4,780	7.2	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	17.6	0.6%	-0.4	122	0.2	2,178	8.1	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	9.7	2.8%	0.6	984	1.3	925	10.4	0.8	11.4%	8.0%
NT2	Điện	21.8	-0.2%	0.6	273	0.2	2,685	8.1	1.4	18.4%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.7	2.6%	0.9	279	1.3	1,242	11.0	0.7	21.0%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	30.5	5.2%	0.9	1,373	0.2	2,332	13.1	2.2	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	88.20	0.80	0.68	542550.00
GVR	11.15	5.19	0.63	2.89MLN
TCB	19.40	1.31	0.25	2.74MLN
PLX	45.20	1.35	0.22	310330.00
POW	9.66	2.77	0.17	3.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.06	576570.00	1.11MLN
SAB	0.00	-0.75	151620.00	607060.00
VNM	0.00	-0.50	1.41MLN	373600.00
APH	-0.01	-0.15	413640.00	192700.00
VJC	0.00	-0.05	339710.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QBS	2.14	7.00	0.00	45300.00
SZL	47.60	6.97	0.02	228460.00
TIP	20.10	6.91	0.01	218230.00
DAT	80.50	6.91	0.07	2090.00
HAP	3.72	6.90	0.00	134310.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.05	-7.00	0.00	540.00
SVC	85.10	-6.99	-0.05	30.00
KPF	14.75	-6.94	-0.01	1440.00
CDC	26.45	-6.87	-0.01	1680.00
SGR	17.70	-6.84	-0.02	250.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.70	1.60	0.29	2.30MLN
ACB	23.80	0.42	0.16	2.58MLN
OCH	8.30	9.21	0.07	500.00
SHS	10.50	1.94	0.04	2.10MLN
IDC	19.50	3.17	0.04	26200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNM	61.60	-8.33	-0.02	74500.00
DHT	52.50	-1.87	-0.02	37000.00
VHL	21.20	-4.93	-0.01	3000.00
VCG	25.80	-0.77	-0.01	65800.00
IVS	6.00	-6.25	-0.01	7300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

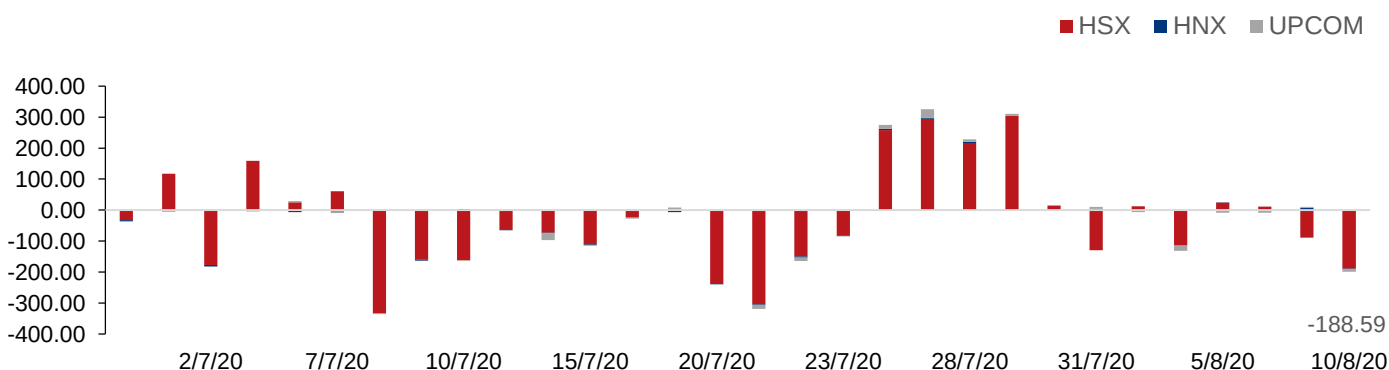
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	1.00	11.1	0.00	13200.00
KVC	1.00	11.1	0.01	99000.00
SPI	1.00	11.1	0.00	129400.00
GDW	20.90	10.0	0.00	800.00
QNC	5.50	10.0	0.01	2500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	-14.29	-0.01	351200.00
BII	0.60	-14.29	0.00	59900.00
NHP	0.60	-14.29	0.00	882900.00
GLT	25.20	-10.00	-0.01	300.00
HLC	7.20	-10.00	-0.01	17700.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	26.6	3,321	8.0	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	21.4	4,126	5.2	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	49.1	9,642	5.1	1.4	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	54.5	3,255	16.7	2.8	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	32.8	4,666	7.0	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.4	1,767	6.5	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.4	5,479	8.1	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	27.3	1,902	14.4	2.3	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	24.3	2,632	9.2	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.4	3,103	6.3	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	55.3	4,629	11.9	2.6	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	126.0	5,718	22.0	7.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	9.6	1,672	5.8	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.4	1,721	10.1	1.0	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.5	7,132	2.9	1.1	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.6	5,227	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.6	4,761	8.9	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	81.9	4,915	16.7	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.8	3,750	6.3	1.3	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.9	5,465	6.8	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	54.0	5,877	9.2	2.5	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	47.2	4,280	11.0	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	20.1	1,377	14.6	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.7	1,242	11.0	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	179.9	6,328	28.4	6.3	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.5	2,041	12.0	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	114.5	5,538	20.7	6.6	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.6	1,407	8.2	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.0	8,348	9.5	2.5	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.3	2,048	8.0	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	96.7	5,044	19.2	4.0	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.2	2,007	5.1	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	55.3	4,629	11.9	2.6	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.3	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	213.6	14,782	14.5	5.9	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	10.4	0	18.7	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	9.2	1,671	5.5	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.6	2,178	8.1	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	26.5	-218	#N/A	2.8	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	31.6	2,986	10.6	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 13450 ; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn